

Số: /KH-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

**KẾ HOẠCH**

**Cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI),  
Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân (BPI), Chỉ số cải cách hành chính  
(PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân đối với  
sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)  
tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030**

Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, trong thời gian qua, nhiều nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện chất lượng điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã được triển khai thực hiện; tuy nhiên, kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và yêu cầu phát triển của tỉnh. Năm 2025, các chỉ số phản ánh năng lực cạnh tranh và cải cách hành chính của tỉnh xếp trong nhóm trung bình và thấp so với cả nước: Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) xếp thứ 20/34 tỉnh, thành phố; Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân (BPI) xếp thứ 33/34; Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) xếp thứ 26/34; Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) xếp thứ 29/34 (*Chi tiết về kết quả xếp hạng, các tiêu chí thành phần và nguyên nhân tại Phụ lục 01*).

Để cải thiện và nâng cao vị trí xếp hạng các chỉ số nêu trên, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch Cải thiện và nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân (BPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030, với các nội dung như sau:

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

**1. Mục đích**

- Xác định nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, hiệu quả kinh tế tư nhân, cải cách hành chính, gắn với cải thiện và nâng cao các chỉ số là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá và xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành; lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tập trung khắc phục những tồn tại, hạn chế, điểm nghẽn ảnh hưởng đến chất lượng điều hành, môi trường đầu tư kinh doanh, hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân và chất lượng cung ứng dịch vụ công; tạo chuyển biến

rõ nét trong thực thi công vụ, giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, phát triển kinh tế tư nhân, cải cách hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp, Nhân dân.

## **2. Yêu cầu**

- Xác định rõ nhiệm vụ, lộ trình, tiến độ hoàn thành và phân công trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp trong quá trình tổ chức thực hiện nhằm tập trung nhận diện, khắc phục kịp thời, triệt để những tồn tại, hạn chế, điểm nghẽn và các tiêu chí, tiêu chí thành phần có điểm số thấp, thứ hạng thấp để có giải pháp cải thiện mạnh mẽ; đồng thời, tiếp tục duy trì, phát huy các tiêu chí, tiêu chí thành phần đã đạt thứ hạng cao.

- Các nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Kế hoạch bảo đảm đồng bộ, khả thi, thiết thực, gắn với kết quả đầu ra cụ thể; tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Kế hoạch này là cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch hành động, đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao; đồng thời, là cơ sở để cấp có thẩm quyền tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ định kỳ của các cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân người đứng đầu.

## **II. MỤC TIÊU**

### **1. Mục tiêu chung**

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tư nhân; xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và mức độ hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước; qua đó, nâng cao điểm số, cải thiện thứ hạng các chỉ số PCI, BPI, PAR INDEX và SIPAS, từng bước đưa Thanh Hóa thuộc nhóm các địa phương có chất lượng điều hành, cải cách hành chính và môi trường đầu tư kinh doanh ở mức khá của cả nước, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

#### **2.1. Về cải thiện, nâng cao điểm số và vị trí xếp hạng các chỉ số, tiêu chí thành phần**

##### **2.1.1. Đối với Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI**

- Tiếp tục duy trì và cải thiện vị trí xếp hạng 04 tiêu chí thành phần có thứ hạng tốt và khá: (1) Gia nhập thị trường; (2) Chi phí không chính thức; (3) Thiết chế pháp lý; (4) Chi phí tuân thủ hành chính.

- Tập trung nâng cao vị trí xếp hạng 05 tiêu chí thành phần có thứ hạng trung bình và thấp: (1) Tính minh bạch; (2) Cạnh tranh bình đẳng; (3) Chính quyền kiến tạo; (4) Hỗ trợ doanh nghiệp; (5) Tiếp cận đất đai.

- Phấn đấu hàng năm nâng cao điểm số PCI, cải thiện vị trí xếp hạng; duy trì trong nhóm khá của cả nước.

#### 2.1.2. Đối với Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân BPI

- Tiếp tục cải thiện vị trí xếp hạng 05 tiêu chí thành phần có thứ hạng khá: (1) Doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng trong 2 năm tới; (2) Doanh nghiệp tư nhân tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI; (3) Doanh nghiệp có lãi trong năm gần nhất; (4) Doanh nghiệp liên kết chuỗi cung ứng với doanh nghiệp tư nhân trong nước; (5) Tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động.

- Tập trung nâng cao vị trí xếp hạng của 18 tiêu chí thành phần có thứ hạng trung bình và thấp: (1) Tỷ lệ thành lập doanh nghiệp mới; (2) Doanh nghiệp đang hoạt động trên 1.000 dân; (3) Đơn sáng chế và giải pháp hữu ích trên 1.000 doanh nghiệp; (4) Doanh nghiệp tư nhân thành lập mới trên 1.000 dân; (5) Doanh nghiệp nhận hỗ trợ công nghệ sạch từ tỉnh; (6) Mức độ sử dụng giải pháp số bình quân; (7) Doanh nghiệp chi ít nhất 3% doanh thu cho đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; (8) Tăng trưởng doanh nghiệp đang hoạt động; (9) Hộ kinh doanh phi nông nghiệp trên 1.000 dân; (10) Tăng trưởng lao động doanh nghiệp đang hoạt động; (11) Hành động môi trường trước 2 năm gần nhất; (12) Cải tiến quy trình kinh doanh trong 2 năm gần nhất; (13) Tăng trưởng hộ kinh doanh phi nông nghiệp; (14) Tăng trưởng doanh thu; (15) Doanh thu trên mỗi lao động; (16) Doanh nghiệp có bộ phận hoặc nhân sự R&D; (17) Tăng trưởng lao động hộ kinh doanh phi nông nghiệp; (18) Hành động môi trường trong 2 năm gần nhất.

- Phấn đấu hàng năm nâng cao điểm số và cải thiện thứ hạng BPI, từng bước đưa Thanh Hóa vào nhóm khá của cả nước.

#### 2.1.3. Đối với Chỉ số cải cách hành chính PAR INDEX

- Tiếp tục duy trì và cải thiện vị trí xếp hạng 03 tiêu chí thành phần có thứ hạng tốt và khá: (1) Cải cách thủ tục hành chính; (2) Cải cách tài chính công; (3) Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước.

- Tập trung nâng cao vị trí xếp hạng của 05 tiêu chí thành phần có thứ hạng trung bình và thấp: (1) Tác động của cải cách hành chính đến người dân và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương; (2) Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính; (3) Cải cách tổ chức bộ máy; (4) Cải cách chế độ công vụ; (5) Cải cách thể chế.

- Phấn đấu đưa Chỉ số PAR INDEX của tỉnh nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

2.1.4. Đối với Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước SIPAS

- Tập trung nâng cao vị trí xếp hạng của 9/9 tiêu chí thành phần có thứ hạng thấp: (1) Trách nhiệm giải trình của cơ quan; (2) Cơ hội tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, thực hiện chính sách; (3) Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách; (4) Kết quả dịch vụ; (5) Kết quả, tác động của chính sách; (6) Thủ tục hành chính; (7) Công chức; (8) Tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị; (9) Tiếp cận dịch vụ.

- Phân đầu đưa Chỉ số SIPAS của tỉnh nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước.

## **2.2. Một số chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030**

- 100% thủ tục hành chính được các sở, ban, ngành cấp tỉnh tham mưu công bố kịp thời, đúng quy định. Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đạt 100%.

- Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hạn và trước hạn đạt từ 98% trở lên trong từng lĩnh vực; riêng lĩnh vực xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt từ 95% trở lên.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 97%; trong đó mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 92%.

- Tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đến năm 2030 đạt tối thiểu 80%.

- 100% văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành hoặc có liên quan trực tiếp đến quyền, nghĩa vụ của người dân, doanh nghiệp được tổ chức truyền thông, phổ biến theo quy định.

- Tối thiểu 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 100% phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp thuộc thẩm quyền được tiếp nhận, xử lý và trả lời đúng thời hạn.

## **III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

### **1. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)**

#### **1.1. Các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao từng tiêu chí thành phần**

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ các tiêu chí được giao tại Phụ lục 02 và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao vị trí xếp hạng từng tiêu chí thành phần của Chỉ số PCI.

*(Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo).*

#### **1.2. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm khác**

1.2.1. Giao các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức công vụ và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp tiếp nhận hồ sơ, giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp.

- Rà soát, đơn giản hóa, cắt giảm tối đa thời gian giải quyết thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường; rút ngắn thời gian cấp các loại giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện theo quy định<sup>1</sup>...; đẩy mạnh tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến để tiết kiệm thời gian và chi phí.

- Thực hiện nghiêm việc công khai, minh bạch thủ tục hành chính, quy trình giải quyết hồ sơ, thời gian giải quyết, phí, lệ phí và kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; thường xuyên cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin trên Cổng/trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị. Đồng thời, thực hiện công khai các quy định về cơ chế, chính sách GPMB, ưu đãi đầu tư, thuê đất, khai thác khoáng sản, chính sách ưu đãi thuế, các khoản phí, lệ phí...; bảo đảm cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế trong tiếp cận thông tin.

- Tăng cường các hoạt động đối thoại, tiếp nhận, xử lý kịp thời các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; chủ động giải quyết và công khai kết quả giải quyết các nội dung thuộc thẩm quyền, không đẩy nhiệm vụ lên cơ quan cấp trên nếu thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị mình; gắn với thực hiện nghiêm cơ chế xin lỗi đối với các trường hợp giải quyết hồ sơ quá hạn; rà soát, xử lý dứt điểm các hồ sơ tồn đọng, kéo dài, nhất là trong các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng và môi trường. Định kỳ hằng tháng tổ chức gặp gỡ, đối thoại với doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong sản xuất, kinh doanh.

- Tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư trong công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư và giải phóng mặt bằng (GPMB); thực hiện ký cam kết GPMB với nhà đầu tư; công khai đầy đủ quy hoạch sử dụng đất trên Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương phục vụ thu hút đầu tư.

- Triển khai thực hiện đầy đủ, hiệu quả các chủ trương, chính sách của Nhà nước về phát triển doanh nghiệp và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; chủ động rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền bổ sung, sửa đổi những nội dung còn chồng chéo, bất cập, không còn phù hợp với thực tiễn, gây khó khăn trong tổ chức thực hiện. Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp tiếp cận, thụ hưởng các cơ chế, chính sách theo quy định.

1.2.2. Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Tiếp tục hoàn thiện Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo hướng dễ tiếp cận, tra cứu, đảm bảo an toàn thông tin; cập nhật đầy đủ, kịp thời các thông tin về tiềm năng, lợi thế của tỉnh, các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu

<sup>1</sup> như: Phòng cháy, chữa cháy, an ninh trật tự, hộ chiếu, thẻ tạm trú cho lao động nước ngoài, chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh

tư, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp; các văn bản pháp luật do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và các thông tin liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp.

- Rút ngắn thời gian thẩm tra, tham mưu giải quyết các hồ sơ thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, nhất là các hồ sơ liên quan đến đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường.

- Thực hiện hiệu quả việc tiếp nhận, tổng hợp, theo dõi và tham mưu giải quyết các đề xuất, kiến nghị của doanh nghiệp; duy trì đường dây nóng, xây dựng chuyên mục hỏi đáp trực tuyến và các kênh tương tác với doanh nghiệp trên môi trường số để kịp thời hướng dẫn, giải đáp khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, doanh nghiệp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Tiếp tục đổi mới, tham mưu nâng cao chất lượng đối thoại doanh nghiệp, giải quyết dứt điểm các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp phản ánh còn tồn đọng (nếu có).

1.2.3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Thực hiện công bố thông tin dữ liệu về đất đai, các cơ chế, chính sách hỗ trợ công tác thu hồi, bồi thường, GPMB, quỹ đất chưa sử dụng và các thông tin liên quan khác đến đất đai, đảm bảo đầy đủ, kịp thời trên Trang thông tin điện tử của Sở và Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai; hỗ trợ nhà đầu tư, doanh nghiệp thực hiện thủ tục thuê đất để thực hiện dự án; đôn đốc, hướng dẫn việc sử dụng đất đảm bảo đúng quy định, đúng tiến độ; xử lý nghiêm cán bộ, công chức có biểu hiện sách nhiễu, gây phiền hà trong giải quyết công việc với công dân, doanh nghiệp.

- Chủ động rà soát, tham mưu tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và GPMB; phối hợp với các địa phương đẩy nhanh tiến độ GPMB các dự án trọng điểm, dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh, tạo quỹ đất sạch phục vụ thu hút đầu tư.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả Quy chế phối hợp giữa cơ quan thuế và cơ quan đăng ký đất đai trong trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

1.2.4. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Triển khai hiệu quả các chính sách về khuyến khích phát triển sản xuất công nghiệp và dịch vụ, thương mại; hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các chương trình hội nhập quốc tế, mở rộng thị trường, phát triển sản xuất, kinh doanh; xúc tiến thương mại, giao thương, kết nối cung cầu, hội chợ, triển lãm trong nước và quốc tế; tham gia các sàn thương mại điện tử, thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động thương mại và phát triển thương hiệu sản phẩm.

- Tổ chức các khóa tập huấn, bồi dưỡng định kỳ cho các doanh nghiệp về hội nhập quốc tế và tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do (FTA), tập trung vào các nội dung: quy tắc xuất xứ, ưu đãi thuế quan, phòng vệ thương mại, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, yêu cầu của từng thị trường xuất khẩu, kỹ

năng giao thương quốc tế và khai thác các cơ hội từ các FTA để mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

1.2.5. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Chủ động thực hiện việc công bố quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định; đăng tải các thông tin liên quan đến ngành, lĩnh vực trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

- Rà soát, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính về quy hoạch, xây dựng; tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục đầu tư trong lĩnh vực xây dựng.

1.2.6. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Công khai đầy đủ, kịp thời các thông tin về quy hoạch, quỹ đất chưa sử dụng, chưa cho thuê, cho thuê lại, hạ tầng kỹ thuật, cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư tại Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN và các thông tin cần thiết khác phục vụ nhà đầu tư, doanh nghiệp trên Trang thông tin điện tử của Ban và Cổng Thông tin điện tử của tỉnh. Rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận đất đai và triển khai thực hiện dự án đầu tư.

- Tiếp tục tham mưu đầu tư xây dựng, hoàn thiện hạ tầng Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN theo hướng đồng bộ, hiện đại; nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

- Chủ động tiếp nhận, giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị, khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư, doanh nghiệp trong quá trình triển khai dự án và các hoạt động sản xuất, kinh doanh; định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh các nội dung vượt thẩm quyền để được xem xét, chỉ đạo giải quyết.

- Phối hợp với Sở Nội vụ, các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và các đơn vị liên quan khảo sát, nắm bắt nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN; hỗ trợ kết nối cung - cầu lao động, phối hợp triển khai các hoạt động đào tạo, đào tạo lại và phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp, đặc biệt là lao động kỹ thuật và lao động chất lượng cao.

1.2.7. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Tiếp tục rà soát, đảm bảo thời gian giải quyết thủ tục đăng ký, điều chỉnh đăng ký doanh nghiệp nhanh nhất, giảm chi phí thời gian cho doanh nghiệp; công khai, minh bạch các thủ tục hành chính liên quan đến đăng ký doanh nghiệp; tăng tỷ lệ doanh nghiệp đăng ký doanh nghiệp qua mạng.

- Cập nhật đầy đủ, kịp thời trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh các thông tin về Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050,

Kế hoạch đầu tư công, đăng ký doanh nghiệp, danh mục các dự án kêu gọi đầu tư và các thông tin liên quan.

- Tham mưu đẩy mạnh đấu thầu qua mạng, bảo đảm công khai, minh bạch; tạo điều kiện thuận lợi cho các bên mời thầu, nhà thầu tiếp cận thông tin, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục hành chính.

- Thực hiện có hiệu quả Đề án hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; triển khai chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới, sáng tạo, khởi sự doanh nghiệp; hỗ trợ các hợp tác xã theo quy định.

1.2.8. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả vận hành các nền tảng số dùng chung của tỉnh; đẩy mạnh tích hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thường xuyên cập nhật, chuẩn hóa và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Cổng dữ liệu mở của tỉnh, nhằm kịp thời cung cấp các thông tin phục vụ nhu cầu tiếp cận, khai thác của các tổ chức, người dân và doanh nghiệp.

- Tham mưu triển khai các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ số, công nghệ mới vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Xây dựng, phát triển và vận hành hiệu quả Sàn giao dịch công nghệ tỉnh Thanh Hóa nhằm tạo lập tổ chức trung gian cho thị trường công nghệ thiết bị của tỉnh, có vai trò là đầu mối, kết nối tập trung cung cấp thông tin, xúc tiến chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển thị trường công nghệ.

1.2.9. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Tham mưu nâng cao chất lượng, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng hành chính, kỹ năng số, tinh thần trách nhiệm và văn hóa phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường kiểm tra công vụ; thường xuyên theo dõi việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh và kiến nghị xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, gây phiền hà, né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong giải quyết công việc cho người dân, doanh nghiệp.

- Triển khai hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu người lao động; nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Dịch vụ việc làm; tăng cường kết nối cung - cầu lao động; phối hợp với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, doanh nghiệp và địa phương triển khai các giải pháp phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, nhất là lao động có kỹ năng, lao động chất lượng cao.

1.2.10. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Xây dựng và triển khai hiệu quả các chương trình, đề án, kế hoạch đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông, chất lượng tốt nghiệp THPT.

- Đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học; tăng cường phối hợp giữa các cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp trong công tác tư vấn hướng nghiệp, đào tạo và cung ứng nguồn nhân lực theo nhu cầu của thị trường lao động.

1.2.11. Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Chủ động cung cấp thông tin về tiềm năng, thế mạnh, môi trường đầu tư kinh doanh, các cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư và nhu cầu hợp tác của tỉnh Thanh Hóa đến các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài, cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam ở nước ngoài; các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, các cơ quan phát triển, tổ chức quốc tế và các đối tác để tăng cường xúc tiến, thu hút đầu tư vào tỉnh.

- Tham mưu triển khai hiệu quả các hoạt động đối ngoại phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; thiết lập, mở rộng quan hệ với các đối tác nước ngoài, tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư, thương mại, khoa học và công nghệ.

- Tăng cường phối hợp giữa Sở Ngoại vụ với các sở, ngành, địa phương trong công tác kết nối các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài, cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức quốc tế và đối tác nước ngoài nhằm đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, mở rộng hợp tác quốc tế, góp phần cải thiện, nâng cao vị trí xếp hạng các chỉ số.

1.2.12. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật cho cộng đồng doanh nghiệp, góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật. Nâng cao vai trò hoạt động của các tổ chức hỗ trợ tư pháp liên quan đến hoạt động tư vấn pháp lý, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho doanh nghiệp và người dân.

- Chủ động tham mưu rà soát, kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý các quy định pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật có nội dung chồng chéo, mâu thuẫn, bất cập hoặc không còn phù hợp với thực tiễn; góp phần tạo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, ổn định và thuận lợi cho doanh nghiệp.

1.2.13. Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 7 chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh:

- Triển khai đồng bộ các chương trình, giải pháp tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã và hộ kinh doanh tiếp cận nguồn vốn tín dụng. Tiếp tục hướng nguồn vốn tín dụng vào lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng kinh tế theo chủ trương của Chính phủ; nâng cao chất lượng tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn của doanh nghiệp.

- Tăng cường hoạt động tổ chức các chương trình kết nối doanh nghiệp và ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận nguồn vốn tín dụng; thường xuyên đối thoại, nắm bắt, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quan hệ tín dụng giữa tổ chức tín dụng và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện công khai, minh bạch các cơ chế, chính sách tín dụng; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến các chương trình tín dụng, tín dụng ưu đãi đến cộng đồng doanh nghiệp; đề xuất các hội sở ngân hàng thực hiện các chính sách hỗ trợ lãi suất cho doanh nghiệp.

1.2.14. Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Xây dựng và triển khai kế hoạch thanh tra có trọng tâm, trọng điểm; tập trung thanh tra các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng như: đất đai, tài nguyên, việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho doanh nghiệp; gắn với tăng cường rà soát, phối hợp giữa hoạt động thanh tra và kiểm tra của các cơ quan nhà nước; hạn chế tối đa tình trạng chồng chéo, trùng lặp về nội dung, đối tượng và thời gian thanh tra, kiểm tra nhằm giảm áp lực cho doanh nghiệp.

- Tăng cường thanh tra trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ công vụ, cải cách hành chính, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; kịp thời kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục các tồn tại, hạn chế được phát hiện qua thanh tra.

- Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong quá trình thực hiện, gắn với nâng cao kỷ luật, kỷ cương hành chính, góp phần xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh công khai, minh bạch, lành mạnh.

1.2.15. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam chi nhánh Thanh Hóa - Ninh Bình:

- Tiếp tục phát huy vai trò đại diện, cầu nối giữa doanh nghiệp với cơ quan nhà nước, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp; phản ánh kịp thời những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của doanh nghiệp để đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

- Xây dựng và triển khai hiệu quả các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, quản trị, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và hội nhập kinh tế quốc tế; tăng cường các hoạt động kết nối giao thương, xúc tiến đầu tư, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm cho các doanh nghiệp của tỉnh. Tăng cường các hoạt động đào tạo, tập huấn, phổ biến và hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện các quy định về pháp luật đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, thuế, lao động và các lĩnh vực liên quan khác.

- Chủ động, tích cực phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc tham gia góp ý, phản biện các cơ chế, chính sách liên quan đến hoạt động

đầu tư, sản xuất, kinh doanh; góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

1.2.16. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Thường xuyên phối hợp với các sở, ban, ngành thực hiện công tác rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; chuẩn hóa thông tin, dữ liệu của thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; tăng cường khai thác, tái sử dụng dữ liệu đã được số hóa, dữ liệu được kết nối, chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin có liên quan nhằm giảm việc kê khai, nộp lại thông tin, giấy tờ của người dân, doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh; công khai kết quả giải quyết, thời gian xử lý hồ sơ, kết quả đánh giá chất lượng phục vụ; theo dõi, duy trì hiệu quả việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên Hệ thống Phản hồi Thanh Hóa.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm; quán triệt thực hiện nghiêm quy tắc ứng xử, văn hóa công vụ, đạo đức nghề nghiệp trong đón tiếp, hướng dẫn, tiếp nhận, giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp; kịp thời chấn chỉnh, xử lý các hành vi gây phiền hà, nhũng nhiễu; nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

1.2.17. Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh triển khai hiệu quả các chính sách bảo lãnh tín dụng, hỗ trợ lãi suất của tỉnh cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định.

1.2.18. Các Ban quản lý dự án, các chủ đầu tư thực hiện nghiêm quy định về đấu thầu, bảo đảm công khai, minh bạch trong lựa chọn nhà thầu, không để phát sinh chi phí không chính thức trong hoạt động đấu thầu.

## **2. Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân (BPI)**

### **2.1. Các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao tiêu chí thành phần**

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ các tiêu chí được giao tại Phụ lục 03 và tình hình thực tế của đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao vị trí xếp hạng từng tiêu chí thành phần của Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân (BPI).

*(Chi tiết có Phụ lục 03 kèm theo).*

### **2.2. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm khác**

2.2.1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan

- Tiếp tục tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các Kế hoạch của UBND tỉnh: Kế hoạch số 149/KH-UBND ngày 17/7/2025 về thực hiện Nghị

quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 138/NQ-CP và Nghị quyết số 139/NQ-CP của Chính phủ, Kế hoạch hành động số 282-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển kinh tế tư nhân; Kế hoạch số 51/KH-UBND ngày 03/3/2026 về thực hiện Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

- Tổ chức tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân; tạo môi trường thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, thực sự trở thành động lực quan trọng nhất trong phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế của tỉnh.

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân tham gia các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế; đẩy mạnh liên kết giữa doanh nghiệp tư nhân với các doanh nghiệp lớn, nhất là các doanh nghiệp FDI và hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp trong giải quyết các công việc liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, người dân; tập trung tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh tiến độ đầu tư, hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, hạ tầng số và logistics để mở rộng không gian phát triển doanh nghiệp.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tiếp cận các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo lĩnh vực và phân công, phân cấp quản lý theo Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

#### 2.2.2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Thực hiện tốt công tác tư vấn, hướng dẫn miễn phí về trình tự, thủ tục, hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp siêu nhỏ, các doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh để khuyến khích chuyển đổi hộ kinh doanh sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp.

- Chủ trì tham mưu triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, góp phần gia tăng số lượng doanh nghiệp thành lập mới, doanh nghiệp hoạt động thực chất trên địa bàn tỉnh.

- Theo dõi, đánh giá tình hình phát triển doanh nghiệp khu vực kinh tế tư nhân; kịp thời tham mưu các giải pháp tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy doanh nghiệp mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.

#### 2.2.3. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm tài nguyên, khắc phục các tồn tại, hạn chế trong xử lý chất thải, nước thải, khí thải. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, ứng dụng dây chuyền tự động hóa, chế biến sâu thuộc lĩnh vực quản lý của ngành để nâng cao năng suất lao động, giá trị gia tăng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

- Hướng dẫn, hỗ trợ kết nối hình thành và phát triển các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị; thúc đẩy liên kết sản xuất, kinh doanh giữa các doanh nghiệp tư nhân, giữa doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh áp dụng các hệ thống truy xuất nguồn gốc, ứng dụng mã số, mã vạch để truy xuất nguồn gốc hàng hóa.

#### 2.2.4. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư dây chuyền tự động hóa, chế biến sâu thuộc lĩnh vực quản lý của ngành; áp dụng các mô hình sản xuất thông minh, sản xuất sạch hơn nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh.

- Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực công nghiệp và thương mại; hỗ trợ doanh nghiệp mở rộng thị trường, tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng trong lĩnh vực công thương; khuyến khích doanh nghiệp đổi mới công nghệ, chuyển đổi số, phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến, chế tạo để nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Triển khai hiệu quả Chương trình khuyến công quốc gia và Chương trình khuyến công Trung ương, địa phương.

#### 2.2.5. Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Phối hợp triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN đổi mới công nghệ, đầu tư dây chuyền tự động hóa, công nghệ chế biến sâu nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, giá trị gia tăng và năng lực cạnh tranh.

- Thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa bằng container qua Cảng Nghi Sơn; tăng cường công tác hỗ trợ, hướng dẫn, kết nối doanh nghiệp và phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong hoạt động xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trong Khu kinh tế Nghi Sơn và các KCN tăng cường liên kết với các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp FDI, từng bước tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị, chuỗi sản xuất và chuỗi cung ứng trong nước, khu vực và toàn cầu.

2.2.6. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hướng dẫn, hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân tiếp cận và thụ hưởng hiệu quả các chương trình, chính sách về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đầu tư cho đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh của Trung ương và địa phương.

- Hướng dẫn doanh nghiệp thành lập, vận hành và sử dụng hiệu quả Quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đúng quy định. Hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), thương mại điện tử và các công nghệ nền tảng trong hoạt động quản trị, sản xuất, kinh doanh, phân phối sản phẩm và cung cấp dịch vụ; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D), đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm mới, xây dựng thương hiệu, nâng cao năng lực quản trị nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả lao động và năng lực cạnh tranh.

2.2.7. Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Triển khai thực hiện hiệu quả chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trình độ sơ cấp dưới 03 tháng cho người lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp.

- Hướng dẫn, hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp xây dựng và thực hiện các chương trình đào tạo thực chất, bám sát nhu cầu của thị trường lao động; đào tạo theo đặt hàng của doanh nghiệp; tăng cường liên kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp trong xây dựng chương trình, tổ chức thực hành, thực tập và tuyển dụng sau đào tạo; đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành, lĩnh vực ưu tiên, lĩnh vực mới như công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghệ thông tin, logistics...

2.2.8. Thuế tỉnh Thanh Hóa chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Tập trung chỉ đạo, triển khai kịp thời, đầy đủ, hiệu quả các chính sách về miễn, giảm, gia hạn thuế theo quy định để tạo dòng tiền cho doanh nghiệp tái đầu tư, mở rộng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

- Chủ động rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền các giải pháp về chính sách thuế phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh, góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy khu vực kinh tế tư nhân phát triển.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, đánh giá hiệu quả thực thi các chính sách hỗ trợ về thuế, đảm bảo được triển khai đúng đối tượng, kịp thời, minh bạch, góp phần cải thiện môi trường hoạt động và nâng cao năng lực tài chính của doanh nghiệp.

2.2.9. Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt nam chi nhánh Thanh Hóa - Ninh Bình và các tổ chức đại diện đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp:

- Phát huy vai trò kết nối, liên kết đầu tư, sản xuất, kinh doanh giữa các doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp FDI để mở rộng cơ hội hợp tác đầu tư, hình thành, tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị, chuỗi sản xuất và chuỗi cung ứng trong nước, khu vực và toàn cầu.

- Tăng cường chia sẻ thông tin về các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hỗ trợ doanh nghiệp, phát triển kinh tế tư nhân để các doanh nghiệp, hội viên kịp thời nắm bắt, xây dựng kế hoạch đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh, góp phần tăng trưởng doanh thu cho doanh nghiệp.

#### 2.2.10. UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, tư vấn, hướng dẫn miễn phí về trình tự, thủ tục đăng ký hộ kinh doanh; khuyến khích các hộ kinh doanh, nhất là hộ kinh doanh phi nông nghiệp đủ điều kiện chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình doanh nghiệp; hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tư nhân theo quy định.

- Chủ động rà soát, nắm bắt hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn; kịp thời tổng hợp, báo cáo và phối hợp giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình sản xuất, kinh doanh; tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hộ kinh doanh mở rộng đầu tư, phát triển sản xuất.

- Quan tâm bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách và huy động các nguồn lực hợp pháp để phối hợp tổ chức các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, nhân sự, chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh thuộc địa bàn quản lý.

### **3. Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)**

#### **3.1. Các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện, nâng cao tiêu chí thành phần**

Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan căn cứ các tiêu chí được giao tại Phụ lục 04, Phụ lục 05 và tình hình thực tế của đơn vị, địa phương để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện, nâng cao vị trí xếp hạng từng tiêu chí thành phần của Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) và Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

*(Chi tiết có Phụ lục 04, Phụ lục 05 kèm theo).*

#### **3.2. Các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm khác**

3.2.1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các cơ quan, đơn vị liên quan

- Tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2026 - 2030 được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 05/01/2026; trong đó, tập trung thực hiện 69 nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 05/01/2026 của UBND tỉnh, đảm bảo thời gian và chất lượng.

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành và kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật; kịp thời rà soát, phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý triệt để các văn bản trái pháp luật, các quy định chồng chéo, bất cập; nâng cao trách nhiệm, chất lượng trong xây dựng các cơ chế, chính sách, đảm bảo tính đồng bộ, khả thi, đúng quy định, sát với thực tiễn, dễ thực hiện.

- Rà soát, công khai thủ tục hành chính theo quy định; đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm thời gian và chi phí thực hiện thủ tục cho người dân, doanh nghiệp. Nâng cao chất lượng, tiến độ giải quyết hồ sơ, bảo đảm tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng hạn đạt từ 98% trở lên trong từng lĩnh vực; riêng lĩnh vực xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo đạt từ 95% trở lên; thực hiện nghiêm quy định xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra tình trạng trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ, gắn với trách nhiệm người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Hoàn thiện quy trình nội bộ, quy trình liên thông, quy trình điện tử giải quyết đối với từng thủ tục hành chính, đảm bảo rõ thời gian, rõ trách nhiệm của cơ quan và trong từng bước của quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

- Tập trung chỉ đạo, khẩn trương tiếp nhận, phân luồng, giải quyết ngay các hồ sơ công việc theo cơ chế ưu tiên “làn xanh” nhằm rút ngắn tối đa thời gian xử lý, đảm bảo không chậm trễ, không quá hạn, hỗ trợ tối đa cho người dân, doanh nghiệp đối với các nhóm hồ sơ, thủ tục hành chính ưu tiên phân luồng giải quyết trong các lĩnh vực: đầu tư, doanh nghiệp, xây dựng, kinh doanh bất động sản, đất đai, lâm nghiệp, khoáng sản, lao động, việc làm...

- Đẩy mạnh số hóa và khai thác hiệu quả dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính; sử dụng thông tin, giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID, cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành để thay thế việc xuất trình giấy tờ bản giấy, giảm tối đa thành phần hồ sơ cho người dân và doanh nghiệp.

### 3.2.2. Sở Nội vụ và UBND cấp xã

- Tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) hằng năm bảo đảm sát với thực tiễn, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp yêu cầu cải thiện các chỉ số PAR INDEX và SIPAS của tỉnh.

- Thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo về CCHC, đảm bảo 100% nhiệm vụ giao được hoàn thành đúng nội dung và thời gian yêu cầu.

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC bằng nhiều hình thức phù hợp; tăng cường kiểm tra, giám sát công tác CCHC tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh các tồn tại, hạn chế trong quá trình tổ chức thực hiện.

### 3.2.3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và mối quan hệ công tác của từng cơ quan, đơn vị; đẩy mạnh

phân cấp, ủy quyền gắn với kiểm soát quyền lực, đảm bảo nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả”.

- Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi việc thực hiện các quy định về tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm. Triển khai áp dụng Chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPI) đối với cán bộ, công chức; đổi mới công tác đánh giá, xếp loại chất lượng cơ quan, đơn vị và đội ngũ cán bộ, công chức theo hướng định lượng, thực chất, gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra và trách nhiệm cá nhân; bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan trong đánh giá, xếp loại

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng hành chính và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, gắn với xây dựng văn hóa công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, liêm chính, năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Thực hiện nhiệm vụ khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính; công khai kết quả khảo sát hằng năm và tham mưu cho UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị có tỷ lệ hài lòng thấp hoặc giảm so với năm trước xây dựng kế hoạch khắc phục, nâng cao chất lượng phục vụ.

3.2.4. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan

- Tham mưu triển khai các giải pháp đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công; nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư, phân bổ, điều chỉnh và tổ chức thực hiện kế hoạch vốn, bảo đảm đúng tiến độ, hiệu quả, tránh dàn trải, lãng phí.

- Tăng cường công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả; kịp thời xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế trong quản lý tài sản công. Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm toán.

- Tham mưu triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, trong đó tập trung tháo gỡ các khó khăn, điểm nghẽn; chủ động đề xuất các giải pháp huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu tăng trưởng, nhất là mục tiêu tăng trưởng hai con số của tỉnh.

3.2.5. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tập trung khắc phục các tồn tại, hạn chế của tiêu chí "Cải cách thể chế" (hiện đang xếp hạng thấp nhất cả nước trong Chỉ số PAR INDEX); chủ động rà soát, kiến nghị xử lý kịp thời văn bản quy phạm pháp luật có nội dung chồng chéo, mâu thuẫn hoặc không còn phù hợp.

3.2.6. Sở Khoa học và Công nghệ theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu hoàn thành và vận hành hiệu quả Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh (LGSP),

đảm bảo 100% các sở, ngành, địa phương kết nối, liên thông, trao đổi văn bản điện tử và dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành.

3.2.7. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan thiết lập, vận hành hiệu quả, an toàn Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và Cổng dịch vụ công của tỉnh; nâng cao tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến toàn trình và ứng dụng thanh toán trực tuyến; bảo đảm an toàn, đồng bộ, thuận tiện cho người dân và doanh nghiệp trong thực hiện dịch vụ công.

#### **IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch được bố trí trong dự toán hàng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

- Khuyến khích huy động các nguồn kinh phí ngoài ngân sách theo quy định của pháp luật để triển khai Kế hoạch này.

#### **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giao các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan căn cứ các nội dung tại Kế hoạch này, khẩn trương xây dựng kế hoạch chi tiết của cơ quan, đơn vị; tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả, kịp thời những nội dung, nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao vị trí xếp hạng các chỉ số PCI, BPI, PAR INDEX và SIPAS của tỉnh. Định kỳ trước ngày 25 tháng 12 hằng năm, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) tình hình, kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

Hàng năm, trên cơ sở kết quả các chỉ số được công bố, các sở, ngành, đơn vị, địa phương chủ động rà soát, phân tích các tiêu chí thành phần của từng chỉ số thuộc phạm vi quản lý; xác định rõ tồn tại, hạn chế và phân công trách nhiệm cụ thể đến từng tổ chức, cá nhân nhằm cải thiện và nâng cao vị trí xếp hạng các chỉ số; trong đó, tập trung cải thiện các chỉ số giảm hoặc đứng ở thứ hạng thấp.

2. Giao Sở Nội vụ là đầu mối theo dõi, tổng hợp, báo cáo, tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện và nâng cao vị trí xếp hạng Chỉ số PAR INDEX và Chỉ số SIPAS; kịp thời báo cáo UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc và các vấn đề mới phát sinh, vượt thẩm quyền.

3. Giao Sở Tài chính là đầu mối theo dõi, tổng hợp, báo cáo, tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện và nâng cao vị trí xếp hạng Chỉ số PCI và Chỉ số BPI; kịp thời báo cáo UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc và các vấn đề mới phát sinh, vượt thẩm quyền.

4. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện PCI, BPI, PAR INDEX và SIPAS là tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương. Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập

thể, cá nhân có thành tích xuất sắc; xem xét trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân để xảy ra tình trạng hồ sơ quá hạn kéo dài, tỷ lệ hài lòng thấp hoặc chỉ số thuộc lĩnh vực phụ trách giảm liên tiếp mà không có giải pháp khắc phục hiệu quả.

Yêu cầu Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan nghiêm túc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và Thi hành án dân sự tỉnh phối hợp thực hiện để Kế hoạch đạt kết quả cao nhất.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời có văn bản phản ánh, gửi về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND xã, phường;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, VCCI Chi nhánh Thanh Hóa - Ninh Bình;
- Lưu: VT, THĐT<sub>VA75830</sub>.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Mai Xuân Liêm**

**Phụ lục 01**  
**KẾT QUẢ XẾP HẠNG CÁC CHỈ SỐ NĂM 2025**  
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND  
ngày      tháng      năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

## **I. CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI)**

### **1. Kết quả xếp hạng**

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh năm 2025 đạt 63,13 điểm, xếp thứ 20/34 cả nước; trong số 9 tiêu chí thành phần, có: 01 tiêu chí thuộc nhóm tốt; 03 tiêu chí thuộc nhóm khá; 03 tiêu chí thuộc nhóm trung bình; 02 tiêu chí thuộc nhóm thấp; trong đó:

- 01 tiêu chí thuộc nhóm tốt: Gia nhập thị trường xếp thứ 5 cả nước.
- 03 tiêu chí thuộc nhóm khá: Chi phí không chính thức xếp thứ 7 cả nước; Thiết chế pháp lý xếp thứ 10; Chi phí tuân thủ hành chính xếp thứ 14.
- 03 tiêu chí thuộc nhóm trung bình: Tính minh bạch xếp thứ 21 cả nước; Cạnh tranh bình đẳng xếp thứ 21; Chính quyền kiến tạo xếp thứ 23.
- 02 tiêu chí thuộc nhóm thấp: Hỗ trợ doanh nghiệp xếp thứ 28 cả nước; Tiếp cận đất đai xếp thứ 30.

### **2. Nguyên nhân đạt kết quả thấp**

Công tác GPMB trên địa bàn tỉnh vẫn là “điểm nghẽn” mặc dù được chỉ đạo quyết liệt; thiếu mặt bằng sạch để thu hút các dự án đầu tư và để doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh; một số thủ tục hành chính liên quan đến đất đai còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân và doanh nghiệp. Khả năng tiếp cận các nguồn lực hỗ trợ doanh nghiệp còn thấp; năng lực thực thi công vụ và giải quyết vấn đề của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế. Chỉ số đào tạo lao động cho doanh nghiệp bị đánh giá thấp do việc đào tạo lao động của các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh chưa đáp ứng nhu cầu thực tế của doanh nghiệp; trình độ lao động sau khi ra trường còn thấp, các doanh nghiệp phải mất thời gian và chi phí để đào tạo lại. Độ mở và mức độ hữu ích của các thông tin được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh chưa cao; người dân và doanh nghiệp không khai thác được nhiều thông tin để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

## **II. CHỈ SỐ HIỆU QUẢ KINH TẾ TƯ NHÂN (BPI)**

### **1. Kết quả xếp hạng**

Chỉ số hiệu quả kinh tế tư nhân (BPI) của tỉnh năm 2025 đạt 3,48 điểm, xếp thứ 33/34 cả nước; trong 23 tiêu chí thành phần, có: 05 tiêu chí thuộc nhóm khá; 09 tiêu chí thuộc nhóm trung bình; 09 tiêu chí thuộc nhóm thấp; trong đó:

- 05 tiêu chí thuộc nhóm khá: Doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng trong 2 năm tới xếp thứ 7 cả nước; Doanh nghiệp tư nhân tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI xếp thứ 7; Doanh nghiệp có lãi trong năm gần nhất xếp thứ

10; Doanh nghiệp liên kết chuỗi cung ứng với doanh nghiệp tư nhân trong nước xếp thứ 12; Tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động xếp thứ 15.

- 09 tiêu chí thuộc nhóm trung bình: Tỷ lệ thành lập doanh nghiệp mới xếp thứ 17 cả nước; Doanh nghiệp đang hoạt động trên 1.000 dân xếp thứ 18; Đơn sáng chế và giải pháp hữu ích trên 1.000 doanh nghiệp xếp thứ 19; Doanh nghiệp tư nhân thành lập mới trên 1.000 dân xếp thứ 19; Doanh nghiệp nhận hỗ trợ công nghệ sạch từ tỉnh xếp thứ 20; Mức độ sử dụng giải pháp số bình quân xếp thứ 22; Doanh nghiệp chi ít nhất 3% doanh thu cho đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số xếp thứ 23; Tăng trưởng doanh nghiệp đang hoạt động xếp thứ 24; Hộ kinh doanh phi nông nghiệp trên 1.000 dân xếp thứ 24.

- 09 tiêu chí thuộc nhóm thấp: Tăng trưởng lao động doanh nghiệp đang hoạt động xếp thứ 25 cả nước; Hành động môi trường trước 2 năm gần nhất xếp thứ 26; Cải tiến quy trình kinh doanh trong 2 năm gần nhất xếp thứ 27; Tăng trưởng hộ kinh doanh phi nông nghiệp xếp thứ 28; Tăng trưởng doanh thu xếp thứ 28; Doanh thu trên mỗi lao động xếp thứ 29; Doanh nghiệp có bộ phận hoặc nhân sự R&D xếp thứ 31; Tăng trưởng lao động hộ kinh doanh phi nông nghiệp xếp thứ 32; Hành động môi trường trong 2 năm gần nhất xếp thứ 33.

## **2. Nguyên nhân đạt kết quả thấp**

Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, quy mô và năng lực tài chính còn hạn chế; chưa có các công ty, tập đoàn quy mô lớn đóng vai trò dẫn dắt, định hình và tạo chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp nhỏ. Khả năng đổi mới, sáng tạo của doanh nghiệp thấp; tỷ lệ doanh nghiệp tư nhân có bộ phận nghiên cứu & phát triển (R&D), áp dụng công nghệ cao còn ít. Khả năng vay vốn tín dụng vẫn phụ thuộc vào tài sản bảo đảm, các điều kiện vay vốn chưa linh hoạt đối với doanh nghiệp tư nhân quy mô nhỏ. Bên cạnh đó, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh; nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ và tiếp cận các chuỗi giá trị lớn.

## **III. CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX)**

### **1. Kết quả xếp hạng**

Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) của tỉnh năm 2025 đạt 88,77 điểm, xếp thứ 26 cả nước; trong 8 nhóm tiêu chí thành phần, có: 02 tiêu chí thuộc nhóm tốt; 01 tiêu chí thuộc nhóm khá; 03 tiêu chí thuộc nhóm trung bình; 02 tiêu chí thuộc nhóm thấp; trong đó:

- 02 tiêu chí thuộc nhóm tốt: Cải cách thủ tục hành chính xếp thứ 04 cả nước; Cải cách tài chính công xếp thứ 08.

- 01 tiêu chí thuộc nhóm khá: Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước xếp thứ 14 cả nước.

- 03 tiêu chí thuộc nhóm trung bình: Tác động của cải cách hành chính đến người dân và phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương xếp thứ 21 cả nước;

Công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính xếp thứ 22; Cải cách tổ chức bộ máy xếp thứ 23.

- 02 tiêu chí thuộc nhóm thấp: Cải cách chế độ công vụ xếp thứ 31; Cải cách thể chế xếp thứ 34.

## **2. Nguyên nhân đạt kết quả thấp**

Chất lượng tham mưu xây dựng thể chế, văn bản QPPL còn hạn chế; việc xử lý văn bản có dấu hiệu chưa phù hợp còn chậm; còn tình trạng giải quyết hồ sơ quá hạn; kỷ luật, kỷ cương hành chính ở một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm; khối lượng công việc lớn và nhiều nhiệm vụ mới phức tạp nên một số cơ quan còn lúng túng, nhất là trong việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp sau khi sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã; chuyển đổi số chưa thực chất, chưa đồng đều giữa các ngành, các địa phương; một số chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội chưa hoàn thành theo kế hoạch đề ra.

## **IV. CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (SIPAS)**

### **1. Kết quả xếp hạng**

Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh năm 2025 đạt 79,40%, xếp thứ 29 cả nước.

Tất cả 09 tiêu chí thành phần thuộc 02 nhóm đánh giá (xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách; cung ứng dịch vụ hành chính công) đều thuộc nhóm thấp; trong đó: Trách nhiệm giải trình của cơ quan xếp thứ 29 cả nước; Cơ hội tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, thực hiện chính sách xếp thứ 29; Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách xếp thứ 29; Kết quả dịch vụ xếp thứ 29; Kết quả, tác động của chính sách xếp thứ 30; Thủ tục hành chính xếp thứ 30; Công chức xếp thứ 30; Tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị xếp thứ 31; Tiếp cận dịch vụ xếp thứ 33.

### **2. Nguyên nhân đạt kết quả thấp**

Khi chuyển giao giữa chính quyền địa phương 3 cấp và 2 cấp, các phần mềm chưa đồng bộ, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết thủ tục hành chính, người dân phải chờ đợi, mất nhiều thời gian hơn trong việc đăng nhập, giải quyết thủ tục hành chính; ý thức phục vụ người dân của đội ngũ cán bộ, công chức chưa được đánh giá cao; tỷ lệ người dân tham gia ý kiến vào các chính sách, quy hoạch còn thấp; một số nơi còn thiếu không gian giao dịch thuận tiện, trang thiết bị hỗ trợ chưa hiện đại... dẫn đến giảm trải nghiệm và mức độ hài lòng của người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

**Phụ lục 02**  
**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI THIỆN, NÂNG CAO VỊ TRÍ XẾP HẠNG CÁC TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN**  
**CỦA CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH (PCI)**

(Kèm theo Kế hoạch số            /KH-UBND ngày    tháng    năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| Stt      | Tiêu chí thành phần                                                                                                                                                                      | Phân công nhiệm vụ                                |                                                              | Thời gian thực hiện |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                                                                                          | Đơn vị chủ trì                                    | Đơn vị phối hợp                                              |                     |
| <b>1</b> | <b>Gia nhập thị trường</b>                                                                                                                                                               |                                                   |                                                              |                     |
| -        | Giảm tối đa thời gian thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp                                                                                                                             | Sở Tài chính                                      | Các đơn vị liên quan                                         | Thường xuyên        |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp từ 2 lần trở lên                                                                                                |                                                   |                                                              |                     |
| -        | Nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa các cấp về hướng dẫn thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện, đảm bảo rõ ràng, đầy đủ | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường  | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Giảm thời gian thực hiện thủ tục cấp phép kinh doanh có điều kiện so với quy định                                                                                                        | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường  | Các đơn vị liên quan                                         | Thường xuyên        |
| -        | Chi phí cấp phép kinh doanh có điều kiện không vượt quá mức phí, lệ phí được quy định trong văn bản pháp luật                                                                            |                                                   |                                                              |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động                                                                                  |                                                   |                                                              |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do khó khăn khi đăng ký doanh nghiệp                                                                                    | Sở Tài chính                                      | Các đơn vị liên quan                                         | Thường xuyên        |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp phải trì hoãn/hủy bỏ kế hoạch kinh doanh do những khó khăn gặp phải khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh có điều kiện                          | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường  | Các đơn vị liên quan                                         | Thường xuyên        |
| <b>2</b> | <b>Tiếp cận nguồn lực, đất đai</b>                                                                                                                                                       |                                                   |                                                              |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh                                                                                                          | Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường | Các đơn vị liên quan                                         | Thường xuyên        |

| Stt      | Tiêu chí thành phần                                                                                             | Phân công nhiệm vụ                                                                      |                      | Thời gian thực hiện |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                 | Đơn vị chủ trì                                                                          | Đơn vị phối hợp      |                     |
| -        | Giảm thời gian giải quyết hồ sơ đất đai                                                                         | Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường                                       | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Giảm mức độ rủi ro bị thu hồi đất đối với nhà đầu tư, doanh nghiệp                                              |                                                                                         |                      |                     |
| -        | Đơn giản hóa thủ tục đề nghị cấp GCN QSDĐ                                                                       |                                                                                         |                      |                     |
| -        | Nâng cao đạo đức công vụ, trình độ chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ công chức xử lý các TTHC đất đai             | Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND các xã, phường                                       | Sở Nội vụ            | Thường xuyên        |
| -        | Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận được các khoản vay từ tổ chức tín dụng                                  | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh khu vực 7; các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Tăng cường hoạt động tổ chức các chương trình kết nối doanh nghiệp và ngân hàng                                 |                                                                                         |                      |                     |
| -        | Triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ lãi suất của tỉnh                                                    | Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh           | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Cập nhật thông tin trên các nền tảng các cơ sở dữ liệu mở của tỉnh                                              | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường                                        | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Triển khai có hiệu quả các nền tảng số dùng chung do tỉnh cung cấp để hỗ trợ doanh nghiệp có chất lượng tốt     | Sở Khoa học và Công nghệ                                                                | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| <b>3</b> | <b>Tính minh bạch</b>                                                                                           |                                                                                         |                      |                     |
| -        | Nâng cao khả năng tiếp cận tài liệu quy hoạch của doanh nghiệp                                                  | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường                                        | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Nâng cao khả năng tiếp cận tài liệu pháp lý của doanh nghiệp                                                    | Sở Tư pháp                                                                              | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Tăng mức độ hữu ích của thông tin được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh                             | Văn phòng UBND tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ                                           | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Tăng độ mở Cổng thông tin điện tử chính quyền cấp tỉnh                                                          |                                                                                         |                      |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cần có 'mối quan hệ' để tiếp cận thông tin hoặc giải quyết công việc thuận lợi | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường                                        | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Mức độ kịp thời doanh nghiệp nhận được thông tin dự thảo chính sách                                             |                                                                                         |                      |                     |

| Stt      | Tiêu chí thành phần                                                                                                                              | Phân công nhiệm vụ                                                                                                                |                      | Thời gian thực hiện |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                                                  | Đơn vị chủ trì                                                                                                                    | Đơn vị phối hợp      |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp nhận được phản hồi và giải quyết thỏa đáng sau khi gửi kiến nghị, phản ánh                                               | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường                                                                                  | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Nâng cao vai trò các hiệp hội doanh nghiệp trong việc xây dựng chính sách của tỉnh                                                               | VCCI Chi nhánh Thanh Hóa - Ninh Bình;<br>Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;<br>Hội Doanh nghiệp trẻ tỉnh;<br>Hiệp hội Doanh nhân nữ tỉnh | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp có thể dự liệu được việc thực thi của tỉnh với quy định pháp luật của Trung ương và thay đổi quy định pháp luật của tỉnh |                                                                                                                                   |                      |                     |
| -        | Hoạt động đấu thầu công khai minh bạch                                                                                                           | Các Ban quản lý dự án; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường; các chủ đầu tư                                           | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Tăng điểm số đánh giá công khai, minh bạch (Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; thang điểm 100)                                           | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường                                                                                  | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| <b>4</b> | <b>Chỉ phí tuân thủ hành chính</b>                                                                                                               |                                                                                                                                   |                      |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp phải dành 10% quỹ thời gian của lãnh đạo để làm việc với các cơ quan nhà nước và tuân thủ quy định                       | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường                                                                                  | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ nhà nước thân thiện                                                                                      |                                                                                                                                   |                      |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả                                                                   |                                                                                                                                   |                      |                     |
| -        | Giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính so với quy định                                                                                      |                                                                                                                                   |                      |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá không gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến                                                  |                                                                                                                                   |                      |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thực hiện thủ tục hành chính trực tuyến giúp tiết giảm thời gian, chi phí                                       |                                                                                                                                   |                      |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tiến độ giải quyết thủ tục hành chính (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp)                               |                                                                                                                                   |                      |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chất lượng dịch vụ trực tuyến (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp)                                       |                                                                                                                                   |                      |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá kết quả số hóa hồ sơ (Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp)                                                |                                                                                                                                   |                      |                     |

| Stt      | Tiêu chí thành phần                                                                                                       | Phân công nhiệm vụ                                                    |                      | Thời gian thực hiện |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                           | Đơn vị chủ trì                                                        | Đơn vị phối hợp      |                     |
| -        | Giảm số doanh nghiệp bị thanh kiểm tra từ 2 lần trở lên một năm                                                           | Thanh tra tỉnh                                                        | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá nội dung làm việc của các đoàn thanh, kiểm tra bị trùng lặp                              |                                                                       |                      |                     |
| <b>5</b> | <b>Chi phí không chính thức</b>                                                                                           |                                                                       |                      |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thường phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ nhà nước tại địa phương              | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường                      | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Giảm số lĩnh vực quản lý mà doanh nghiệp báo cáo có phát sinh chi phí không chính thức                                    |                                                                       |                      |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá hoạt động thanh, kiểm tra có phát sinh chi phí không chính thức                          | Thanh tra tỉnh                                                        | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá việc chi trả chi phí không chính thức là bắt buộc để đảm bảo trúng thầu                  | Các BQL dự án; các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường                | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tình trạng chạy án là phổ biến                                                           | Toà án Nhân dân tỉnh                                                  | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức                         | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường                      | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tình trạng những nhiều khi giải quyết thủ tục hành chính là phổ biến                     |                                                                       |                      |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá chi phí không chính thức luôn hoặc thường giúp công việc được giải quyết như mong muốn   |                                                                       |                      |                     |
| <b>6</b> | <b>Cạnh tranh bình đẳng</b>                                                                                               |                                                                       |                      |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sự quan tâm của chính quyền tỉnh không phụ thuộc vào đóng góp của doanh nghiệp           | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tình ưu tiên thu hút đầu tư từ các doanh nghiệp lớn hơn là phát triển SME tại địa phương |                                                                       |                      |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thuận lợi trong tiếp cận thông tin là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn            |                                                                       |                      |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thủ tục hành chính nhanh chóng hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn            |                                                                       |                      |                     |

| Stt      | Tiêu chí thành phần                                                                                                                          | Phân công nhiệm vụ                                                          |                      | Thời gian thực hiện |
|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                                              | Đơn vị chủ trì                                                              | Đơn vị phối hợp      |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá miễn, giảm thuế TNDN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn                                             | Thuế tỉnh Thanh Hóa                                                         | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn                            | Văn phòng UBND tỉnh;<br>các sở, ban, ngành cấp tỉnh;<br>UBND các xã, phường | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá dễ dàng có được các hợp đồng từ CQNN là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp lớn                             |                                                                             |                      |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tinh ưu tiên giải quyết các khó khăn cho các doanh nghiệp lớn so với doanh nghiệp nhỏ và vừa                |                                                                             |                      |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các nguồn lực kinh tế chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với cán bộ chính quyền tỉnh |                                                                             |                      |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá ưu đãi cho doanh nghiệp lớn là cản trở đối với hoạt động của doanh nghiệp tôi                               |                                                                             |                      |                     |
| <b>7</b> | <b>Hỗ trợ doanh nghiệp</b>                                                                                                                   |                                                                             |                      |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ số loại hình hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận được trên tổng số các loại hỗ trợ được khảo sát                                         | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;<br>UBND các xã, phường                         | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ thuận lợi khi thực hiện thủ tục đề hưởng 13 chương trình hỗ trợ của tỉnh                             |                                                                             |                      |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá mức độ các chương trình hỗ trợ của tỉnh đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp                                        |                                                                             |                      |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá tiếp cận được các chương trình hỗ trợ của tỉnh về hỗ trợ hội nhập quốc tế                                   | Sở Công Thương;<br>Sở Ngoại vụ                                              | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các chương trình hỗ trợ hội nhập quốc tế đáp ứng được nhu cầu                                               |                                                                             |                      |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá nhận hỗ trợ tài chính từ nhà nước trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo                       | Sở Khoa học và Công nghệ                                                    | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá đã nhận hỗ trợ tài chính từ nhà nước và có thành phần hỗ trợ từ cấp tỉnh                                    | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;<br>UBND các xã, phường                         | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Tăng tỷ lệ nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp                                                                                    |                                                                             |                      |                     |

| Stt      | Tiêu chí thành phần                                                                                                         | Phân công nhiệm vụ                                |                                                          | Thời gian thực hiện |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                             | Đơn vị chủ trì                                    | Đơn vị phối hợp                                          |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ nhà cung cấp tư nhân và nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ                                             | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường  | Các đơn vị liên quan                                     | Thường xuyên        |
| -        | Nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông tại tỉnh                                                                             | Sở Giáo dục và Đào tạo                            | Các đơn vị liên quan                                     | Thường xuyên        |
| -        | Nâng cao điểm thi trung bình của học sinh địa phương trong kỳ thi tốt nghiệp THPT quốc gia                                  |                                                   |                                                          |                     |
| -        | Nâng cao giáo dục dạy nghề tại tỉnh                                                                                         | Các cơ sở đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh          | Các đơn vị liên quan                                     | Thường xuyên        |
| -        | Giảm chi phí tuyển dụng lao động trong tổng chi phí kinh doanh                                                              | Các đơn vị sử dụng lao động; các cơ sở đào tạo    | Sở Nội vụ; Liên đoàn lao động tỉnh; các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Giảm chi phí đào tạo lao động trong tổng chi phí kinh doanh                                                                 |                                                   |                                                          |                     |
| -        | Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên làm việc tại địa phương đã qua đào tạo                                                    |                                                   |                                                          |                     |
| -        | Lao động địa phương đáp ứng hoàn toàn hoặc phần lớn nhu cầu của doanh nghiệp                                                |                                                   |                                                          |                     |
| -        | Tăng mức độ lao động địa phương đáp ứng về tay nghề kỹ thuật và kỹ năng số                                                  |                                                   |                                                          |                     |
| <b>8</b> | <b>Thiết chế pháp lý</b>                                                                                                    |                                                   |                                                          |                     |
| -        | Đảm bảo tốt tình hình an ninh trật tự trên địa bàn                                                                          | Công an tỉnh                                      | Các đơn vị liên quan                                     | Thường xuyên        |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp báo cáo bị trộm cắp hay đột nhập                                                                    |                                                   |                                                          |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp tin tưởng và sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp kinh tế                           | Sở Tư pháp                                        | Các đơn vị liên quan                                     | Thường xuyên        |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng các phương thức giải quyết tranh chấp thay thế như hòa giải, trọng tài                      |                                                   |                                                          |                     |
| -        | Hệ thống pháp luật tại địa phương bảo vệ tốt quyền và lợi ích hợp pháp của chủ doanh nghiệp trong các tranh chấp kinh doanh | Tòa án nhân dân tỉnh; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh | Các đơn vị liên quan                                     | Thường xuyên        |
| -        | Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật                                                             | Tòa án nhân dân tỉnh                              | Các đơn vị liên quan                                     | Thường xuyên        |
| -        | Tòa án các cấp ở tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế nhanh chóng                                                                |                                                   |                                                          |                     |
| -        | Các phán quyết của tòa án là công bằng, khách quan và có thể dự báo được                                                    |                                                   |                                                          |                     |

| Stt      | Tiêu chí thành phần                                                                                           | Phân công nhiệm vụ                                                                                   |                      | Thời gian thực hiện |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|
|          |                                                                                                               | Đơn vị chủ trì                                                                                       | Đơn vị phối hợp      |                     |
| -        | Việc thi hành các bản án kinh tế có hiệu lực của tòa án diễn ra nhanh chóng, hiệu quả                         | Thi hành án dân sự tỉnh                                                                              | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ DN hiệu quả (% đồng ý)                                                        | Sở Tư pháp                                                                                           | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Tăng số vụ việc do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý tranh chấp của các doanh nghiệp                             | Sở Tư pháp chủ trì tuyên truyền, hỗ trợ pháp lý để doanh nghiệp biết và sử dụng đúng quyền khởi kiện | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| <b>9</b> | <b>Chính quyền kiến tạo</b>                                                                                   |                                                                                                      |                      |                     |
| -        | Tăng tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân là tích cực             | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường                                | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi                        |                                                                                                      |                      |                     |
| -        | UBND tỉnh năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh                                |                                                                                                      |                      |                     |
| -        | Chủ trương, chính sách tạo thuận lợi cho doanh nghiệp là ổn định và nhất quán                                 | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh                                                     | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Tín tưởng lãnh đạo địa phương đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường kinh doanh           |                                                                                                      |                      |                     |
| -        | Các khó khăn, vướng mắc được tháo gỡ kịp thời qua các cuộc đối thoại                                          |                                                                                                      |                      |                     |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các sở, ngành không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh  | UBND các xã, phường                                                                                  | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Giảm tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các xã, phường không thực hiện đúng chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh |                                                                                                      |                      |                     |

**Phụ lục 03**  
**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI THIỆN, NÂNG CAO VỊ TRÍ XẾP HẠNG CÁC TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN**  
**CỦA CHỈ SỐ HIỆU QUẢ KINH TẾ TƯ NHÂN (BPI)**

(Kèm theo Kế hoạch số            /KH-UBND ngày    tháng    năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| Stt | Tiêu chí thành phần                                                         | Phân công nhiệm vụ                                  |                      | Thời gian thực hiện |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------|---------------------|
|     |                                                                             | Đơn vị chủ trì                                      | Đơn vị phối hợp      |                     |
| 1   | Doanh nghiệp tư nhân thành lập mới trên 1.000 dân                           | Sở Tài chính;<br>UBND các xã, phường                | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| 2   | Tỷ lệ thành lập doanh nghiệp mới                                            |                                                     |                      |                     |
| 3   | Doanh nghiệp đang hoạt động trên 1.000 dân                                  |                                                     |                      |                     |
| 4   | Tăng trưởng doanh nghiệp đang hoạt động                                     |                                                     |                      |                     |
| 5   | Tỷ lệ doanh nghiệp đang hoạt động                                           |                                                     |                      |                     |
| 6   | Doanh thu trên mỗi lao động                                                 | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;<br>UBND các xã, phường | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| 7   | Tăng trưởng doanh thu                                                       |                                                     |                      |                     |
| 8   | Tăng trưởng lao động doanh nghiệp đang hoạt động                            |                                                     |                      |                     |
| 9   | Doanh nghiệp có lãi trong năm gần nhất                                      |                                                     |                      |                     |
| 10  | Doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng trong 2 năm tới                            |                                                     |                      |                     |
| 11  | Hộ kinh doanh phi nông nghiệp trên 1.000 dân                                | UBND các xã, phường                                 | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| 12  | Tăng trưởng lao động hộ kinh doanh phi nông nghiệp                          |                                                     |                      |                     |
| 13  | Tăng trưởng hộ kinh doanh phi nông nghiệp                                   |                                                     |                      |                     |
| 14  | Hành động môi trường trong 2 năm gần nhất                                   | Sở Nông nghiệp<br>và Môi trường                     | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| 15  | Hành động môi trường trước 2 năm gần nhất                                   |                                                     |                      |                     |
| 16  | Doanh nghiệp nhận hỗ trợ công nghệ sạch từ tỉnh                             | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;<br>UBND các xã, phường | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| 17  | Doanh nghiệp có bộ phận hoặc nhân sự R&D                                    | Sở Khoa học và Công nghệ                            | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| 18  | Doanh nghiệp chi ít nhất 3% doanh thu cho đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số |                                                     |                      |                     |

| Stt | Tiêu chí thành phần                                                      | Phân công nhiệm vụ                                                                                                                                     |                      | Thời gian thực hiện |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|
|     |                                                                          | Đơn vị chủ trì                                                                                                                                         | Đơn vị phối hợp      |                     |
| 19  | Cải tiến quy trình kinh doanh trong 2 năm gần nhất                       | Sở Khoa học và Công nghệ,<br>Sở Công Thương,<br>Ban Quản lý KKT Nghi Sơn<br>và các KCN                                                                 | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| 20  | Mức độ sử dụng giải pháp số bình quân                                    | Sở Khoa học và Công nghệ                                                                                                                               | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| 21  | Doanh nghiệp tư nhân tham gia chuỗi cung ứng của doanh nghiệp FDI        | Văn phòng UBND tỉnh;<br>các sở, ban, ngành cấp tỉnh;<br>UBND các xã, phường;<br>Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;<br>VCCI Chi nhánh Thanh Hóa -<br>Ninh Bình | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| 22  | Doanh nghiệp liên kết chuỗi cung ứng với doanh nghiệp tư nhân trong nước | Sở Công Thương, Sở Nông<br>nghiệp và Môi trường,<br>Sở Khoa học và Công nghệ,<br>Ban Quản lý Khu kinh tế<br>Nghi Sơn và các KCN                        | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| 23  | Đơn sáng chế và giải pháp hữu ích trên 1.000 doanh nghiệp                | Sở Khoa học và Công nghệ                                                                                                                               | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |

**Phụ lục 04**  
**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI THIỆN, NÂNG CAO VỊ TRÍ XẾP HẠNG CÁC TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN**  
**CỦA CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH (PAR INDEX)**

(Kèm theo Kế hoạch số            /KH-UBND ngày    tháng    năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

| STT      | Tiêu chí thành phần                                         | Phân công nhiệm vụ                                                                        |                                                            | Thời gian thực hiện                                                                           |
|----------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
|          |                                                             | Cơ quan chủ trì                                                                           | Cơ quan phối hợp                                           |                                                                                               |
| <b>1</b> | <b>Chỉ đạo, điều hành CCHC</b>                              |                                                                                           |                                                            |                                                                                               |
| -        | Thực hiện kế hoạch CCHC                                     | Sở Nội vụ                                                                                 | Các đơn vị liên quan                                       | Theo Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của tỉnh                                           |
| -        | Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ                       | Sở Nội vụ                                                                                 | Các đơn vị liên quan                                       | Báo cáo Quý 1, 2, 3: trước ngày 20 của tháng cuối quý; Báo cáo năm: trước ngày 20/12 hàng năm |
| -        | Công tác kiểm tra CCHC                                      | Sở Nội vụ                                                                                 | Các đơn vị liên quan                                       | Thường xuyên                                                                                  |
| -        | Công tác tuyên truyền CCHC                                  | Sở Nội vụ; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ; UBND các xã, phường | Báo và Phát thanh, truyền hình tỉnh; các cơ quan liên quan | Thường xuyên                                                                                  |
| -        | Đổi mới, sáng tạo trong triển khai nhiệm vụ CCHC            | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã                                                  | Các đơn vị liên quan                                       | Thường xuyên                                                                                  |
| -        | Đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp     | Văn phòng UBND tỉnh                                                                       | Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh; các đơn vị liên quan           | Thường xuyên                                                                                  |
| -        | Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao | Văn phòng UBND tỉnh                                                                       | Các đơn vị liên quan                                       | Thường xuyên                                                                                  |

| STT      | Tiêu chí thành phần                                                                                                | Phân công nhiệm vụ                                                                             |                                                                 | Thời gian thực hiện |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------|
|          |                                                                                                                    | Cơ quan chủ trì                                                                                | Cơ quan phối hợp                                                |                     |
| <b>2</b> | <b>Cải cách thể chế</b>                                                                                            |                                                                                                |                                                                 |                     |
| -        | Tổ chức thi hành pháp luật                                                                                         | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;<br>UBND các xã, phường                                            | Các đơn vị liên quan                                            | Thường xuyên        |
| -        | Công bố danh mục văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực định kỳ hàng năm                                        | Sở Tư pháp;<br>UBND các xã, phường                                                             | Các đơn vị liên quan                                            | Thường xuyên        |
| -        | Kiểm tra, xử lý văn bản QPPL                                                                                       | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;<br>UBND các xã, phường                                            | Các đơn vị liên quan                                            | Thường xuyên        |
| -        | Cập nhật văn bản thuộc trách nhiệm của địa phương trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật                         | Sở Tư pháp                                                                                     | Các đơn vị liên quan                                            | Thường xuyên        |
| <b>3</b> | <b>Cải cách thủ tục hành chính</b>                                                                                 |                                                                                                |                                                                 |                     |
| -        | Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)                                                                       | Sở Tư pháp;<br>Văn phòng UBND tỉnh.                                                            | Các đơn vị liên quan                                            | Thường xuyên        |
| -        | Công bố, công khai TTHC và kết quả giải quyết hồ sơ                                                                | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;<br>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;<br>UBND các xã, phường | Các đơn vị liên quan                                            | Thường xuyên        |
| -        | Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông                                                                |                                                                                                |                                                                 |                     |
| -        | Kết quả giải quyết hồ sơ TTHC                                                                                      | Các sở, ngành cấp tỉnh;<br>UBND các xã, phường                                                 | Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;<br>các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;<br>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;<br>UBND các xã, phường | Các đơn vị liên quan                                            | Thường xuyên        |
| <b>4</b> | <b>Cải cách tổ chức bộ máy hành chính</b>                                                                          |                                                                                                |                                                                 |                     |
| -        | Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị                                                          | Sở Nội vụ;<br>các sở, ban, ngành cấp tỉnh;<br>UBND các xã, phường                              | Các đơn vị liên quan                                            | Thường xuyên        |
| -        | Thực hiện các quy định về quản lý biên chế                                                                         |                                                                                                |                                                                 |                     |
| -        | Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước                                                              |                                                                                                |                                                                 |                     |

| STT      | Tiêu chí thành phần                                                            | Phân công nhiệm vụ                                                                            |                      | Thời gian thực hiện |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|
|          |                                                                                | Cơ quan chủ trì                                                                               | Cơ quan phối hợp     |                     |
| <b>5</b> | <b>Cải cách chế độ công vụ</b>                                                 |                                                                                               |                      |                     |
| -        | Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm                     | Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; các đơn vị sự nghiệp công lập;<br>UBND các xã, phường | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Tuyển dụng công chức, viên chức                                                |                                                                                               |                      |                     |
| -        | Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý                                       |                                                                                               |                      |                     |
| -        | Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức        |                                                                                               |                      |                     |
| -        | Công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức                               |                                                                                               |                      |                     |
| <b>6</b> | <b>Cải cách tài chính công</b>                                                 |                                                                                               |                      |                     |
| -        | Tổ chức thực hiện công tác tài chính - ngân sách                               | Sở Tài chính                                                                                  | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Công tác quản lý, sử dụng tài sản công                                         |                                                                                               |                      |                     |
| -        | Thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)               |                                                                                               |                      |                     |
| <b>7</b> | <b>Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước</b>                                |                                                                                               |                      |                     |
| -        | Tỷ lệ hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số                              | Sở Khoa học và Công nghệ;<br>Công an tỉnh                                                     | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu                                         |                                                                                               |                      |                     |
| -        | Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước                 |                                                                                               |                      |                     |
| -        | Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân, tổ chức                        |                                                                                               |                      |                     |
| <b>8</b> | <b>Tác động của CCHC đến người dân và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh</b> |                                                                                               |                      |                     |
| -        | Mức độ hài lòng của người dân về dịch vụ hành chính công                       | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;<br>UBND các xã, phường                                           | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh                                                 |                                                                                               |                      |                     |
| -        | Mức độ phát triển doanh nghiệp của tỉnh                                        | Sở Tài chính                                                                                  | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh                                      | Sở Tài chính;<br>UBND các xã, phường                                                          | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -        | Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội do HĐND tỉnh giao    | Sở Tài chính                                                                                  | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |

**Phụ lục 05**  
**NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CẢI THIỆN, NÂNG CAO VỊ TRÍ XẾP HẠNG CÁC TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN CỦA**  
**CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (SIPAS)**  
*(Kèm theo Kế hoạch số            /KH-UBND ngày    tháng    năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

| Stt | Tiêu chí thành phần                                                                                    | Phân công nhiệm vụ                                                                       |                      | Thời gian thực hiện |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|
|     |                                                                                                        | Cơ quan chủ trì                                                                          | Cơ quan phối hợp     |                     |
| 1   | Mức độ hài lòng của người dân đối với việc xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách của cơ quan nhà nước |                                                                                          |                      |                     |
| -   | Trách nhiệm giải trình của cơ quan                                                                     | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường                                         | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -   | Cơ hội tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, thực hiện chính sách                             |                                                                                          |                      |                     |
| -   | Chất lượng tổ chức thực hiện chính sách                                                                |                                                                                          |                      |                     |
| -   | Kết quả, tác động của chính sách                                                                       |                                                                                          |                      |                     |
| 2   | Chỉ số hài lòng của người dân đối với việc cung ứng dịch vụ hành chính công                            |                                                                                          |                      |                     |
| -   | Tiếp cận dịch vụ                                                                                       | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; UBND các xã, phường | Các đơn vị liên quan | Thường xuyên        |
| -   | Thủ tục hành chính                                                                                     |                                                                                          |                      |                     |
| -   | Công chức trực tiếp giải quyết TTHC                                                                    |                                                                                          |                      |                     |
| -   | Kết quả dịch vụ                                                                                        |                                                                                          |                      |                     |
| -   | Tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị                                                                    |                                                                                          |                      |                     |